16° Indoch 345

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 24950

BƯỚC ĐẦU

CỦA

NGƯỜI TIN PHẬT

CHỨNG MINH :

Ngự-chế Thánh-duyên tự Tăng-cang

Hiệu Giác-nhiên

Sắc-tứ Tường-vân tự Trụ-trì

Hiệu Tịnh-khiết

BIÊN TẬP :

TRÍ-THỦ và MẬT-THỂ

16° Ind. 345

2502

1939

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2H950

Bước đầu

CỦA NGƯỜI TIN PHẬT

MỤC LỤC

I) Lời nói đầu.....
II) Lược nói về Phật giáo.....
III) Phật Thích-Ca Mưu-Ni.....
IV) Tam qui.....
V) Ngũ giới.....
VI) Một ít đều của tín đồ nhà Phật nên giữ.
VII) Lời dặn..... .....
VIII) Nghi thức tụng niệm rất đơn giản ..
IX) Bài hồi hướng..... ....
X) Phụ thêm lối tụng niệm bằng văn Tàu.
XI) Những ngày vía Phật và những ngày trai..

16° Indoch
345

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

TỜ PHÁT-NGUYỆN

NAM MÔ

BỔN-SƯ THÍCH-CA-MÂU-NI PHẬT

Đệ-tử tên ..... Pháp danh.....

Tuổi..... Ngày sanh.. .....

Tháng ..... Năm .....

Làng ..... Tổng.....

Huyện ..... Tỉnh.....

Xin qui-y theo Phật, Pháp, Tăng,
tại chùa : .....

Tên Bổn-sư : .....

Dấu hiệu của Bổn-sư

Phật lịch : .....

LỜI NÓI DẦU

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca-Mưu-Ni Phật.

Đạo Phật tuy cao sâu mầu nhiệm, nhưng không một việc thiện gì nhỏ mọn mà không làm....

Nhân đạo là nền tảng của xã-hội, mà cũng chính là một bước tối tiên của người muốn đạt đến mục-đích cao-thượng nhiệm-mầu của Phật đạo.

Tam-qui ngũ-giới của nhà Phật, chính là kim chỉ nam của nhơn đạo, mà cũng là bước đầu tiên của Phật đạo. Hiện nay phần nhiều người đã tín-ngưỡng Phật, đã qui y theo Phật, mà thật ra ít ai biết Phật là chi? Qui y để làm gì? Vì sao ta phải qui y? Qui y rồi có lợi ích gì không?

Tuy có lòng tin-ngưỡng mà không chịu lưu ý suy xét, nói cho đúng hoặc không biết mà lưu ý !

Vì vậy, nên những người qui y rồi mà còn tin lầm tưởng chạ, lầm bậy, theo mù, đã mất phần lợi ích, mà có hại cho đạo Phật không phải là ít !

Nay tôi xin tóm tắc lựa một ít lời của Phật dạy, và trích lục bài tam qui ngũ giới của thầy Mật-Khế giảng, đã đăng ở trong báo Viên-Âm, lại chọn lấy những điều cần yếu cho tín đồ Phật-giáo đáng tin tưởng, lọc các ý tứ trong các kinh phổ-thông, mà in ra tập sách nhỏ nầy, để giúp cho người tin Phật, và người qui y theo Phật, các điều cần phải biết, cần phải làm, hầu mong các ngài được có phần lợi ích chơn chánh, và tránh khỏi các sự lỗi lầm mê muội.

Chúng tôi một lòng vì pháp, tâm thành yêu cầu qui ngài đã tin Phật, qui y Phật, xin hãy nhận rõ ý nghĩa trong tập nầy để làm chuẩn đích.

NGƯỜI BIÊN TẬP

Θυ⟨ν ϛεν ∠ường, Γ ∫π Νηặτ Σ⟨χη Ξυα (νγười γ ∫π νηặτ Huỳνη Χηιếυ Đẳνγ)

II

LƯỢC NÓI VỀ

PHẬT-GIÁO

Thế nào gọi là Phật giáo? — là giáo pháp do đức Phật Thích-Ca lập ra.

Người lập ra giáo pháp ấy là Phật Thích-Ca, Giáo-lý của Phật nói ra là Pháp; Những ông thầy noi theo giáo pháp ấy mà tu hành, mà truyền bá, gọi là tăng. — Phật, pháp, tăng, là tam bảo.

Phật — nói cho đủ theo tiếng Phạn là Phật đà (Bouddha) Tàu dịch là giác-giã, nghĩa là bậc đã giác ngộ. Phật đã trãi qua nhiều đời nhiều kiếp tu hành, tự mình đã giác ngộ hoàn toàn, lại đem phương pháp giác ngộ ấy, dạy người tu hành để được giác ngộ như mình.

Phật có vô lượng phước huệ, vô lượng công đức, vô lượng giác hạnh đã đầy đủ. Phật không như người phàm phu tâm còn mê muội luân hồi trong cõi trần lao ; cũng không như bậc tiểu thừa chỉ có thể giải thoát cho mình, chứ không thể giải thoát được tất cả chúng sanh đương chìm đắm ; lại cũng khác với các hàng Bồ-tát, vì bồ-tát tuy vẫn tự giác ngộ phần mình, và cũng giác ngộ cho người, nhưng chưa được viên mãn. Chỉ có Phật là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nên gọi là Phật.

Pháp. — tiếng Phạn gọi là đạt ma (Dharrma) nghĩa là phương pháp. Phật nói ra vô lượng pháp môn, để chúng sanh noi theo mà tu hành diệt trừ các đều mê muội khổ nảo, chứng được cõi thanh-tịnh yên vui ; nghĩa là được giác ngộ thành Phật. Nên ba tạng kinh, luật, luận, của Phật đều gọi là pháp cả.

Tăng. — Nói đủ theo tiếng Phạn là tăng-già (Shanga) nghĩa là một đoàn thể — chỉ riêng các ông thầy — thường ở cùng nhau, hòa hiệp cùng nhau, cùng nhau y theo giáo pháp của Phật dạy mà tu hành, mà hoằng pháp lợi sanh, nên gọi là tăng.

III

PHẬT THÍCH-CA MƯU-NI

Đức Phật Thích-Ca Mưu-Ni, nguyên một vị thái tử ở nước Ca-tỳ-la (kapilavastu) Trung Ấn-độ, phụ hoàng tên là Tịnh-phạn (Sudhodana), mẫu hoàng tên là Ma-da (Maya) họ ngài là Kiều-đáp ma (xưa dịch là Cù-đàm). Tên là Tất-đạt-đa (Siddhartha; còn chữ Thích-Ca cũng là cái tên gọi của một chủng tộc do người đời khen tặng, dịch nghĩa là năng nhơn (hay làm đều nhơn từ); Mưu-Ni là tiếng khen ngợi riêng về Phật, dịch nghĩa là tịch-mặc (tánh đằm thắm yên tỉnh). Ngài lúc nhỏ có đủ trí huệ sáng suốt, và các tài năng phi thường; lớn lên ngài nhìn thấy nhơn sanh là thống khổ, thế cuộc vô thường, nên ngài quả quyết xuất gia tu đạo, tìm đường giải thoát cho mình và cho người, hầu giác tất cả chúng sanh lên bờ giác ngộ.

Sau khi khổ hạnh sáu năm trong non Tuyết lãnh (Hymalaya). ngài tự biết nếu chỉ tu khổ hạnh, nhịn đói khát, cũng chưa đạt được mục đích cứu kính, nên ngài đi qua núi Kada bên sông Ni-liên-thuyền, tắm rửa xong, vừa lãnh thọ bát sữa của nàng mục-nữ cúng dường, đoạn uống vào, thấy thân thể trở nên sức khỏe, ngài liền đến ngồi dưới gốc cây bồ đề mà thề rằng: «nếu ta ngồi tu luyện đây, mà không thành đạo, thì quyết không bao giờ chịu đứng dậy».

Vì chí khí hùng vĩ cương quyết ấy, nên ngài tu đó chưa bao lâu, mà đã chứng rõ được chơn tướng của vủ-trụ, thành đạo bồ đề. Từ đó, ngài ra nói pháp độ sanh, trãi 45 năm, sau ở thành Câu-thi-na, trong rừng Ta-la song-thọ, mà nhập niết-bàn. Ngài thọ thế được 80 năm.

IV

TAM-QUI

Sau khi đã xét rõ Phật, pháp, tăng là ba ngôi báu cứu ta ra khỏi biển khổ sanh tử, thì ta nên quy y, đặng mà tu học.

Quy y nghĩa là tuân theo — quy y Phật nghĩa là tuân theo Phật, quy y pháp nghĩa là tuân theo pháp của Phật, quy tăng là tuân theo ông thầy học pháp của Phật.

Quy y có chia ra sự và lý:

A. — SỰ TAM QUI [1]

QUI-Y PHẬT. — Phật là người tỉnh ngộ cuộc đời đả thoát ly ra ngoài biển khổ; chúng sanh là các loài hửu tình đương ngẩn ngơ trong vạt trần, đời đời chịu khổ: sống khổ, chết khổ, đau khổ, già khổ, sự khổ của người không sao kể xiết, cho nên Phật gọi là biển khổ. Vậy mà chúng sanh không biết khổ là khổ, trở lại cho khổ là vui, cứ say mê chìm đắm trong biển luân hồi cùng kiếp mạt căn luốn chịu trăm bề vất vả.

Nay ta muốn vượt ra ngoài biển khổ, tất nhiên phải cầu người cứu vớt chơ sao? mà người ta cầu cứu, tất nhiên họ phải đứng trên bờ, có thuyền,

---

(1) Trích bài giảng của thầy Thích mật khế ở báo Viên-Am.

có chèo, có đủ phương pháp mới vớt ta lên được. Người có đủ phương pháp ấy tức là Phật, Phật ta cầu đây tức là đức Thích-ca mâu-Ni, hiện làm giáo chủ trên cỏi Ta-bà nầy vậy.

Ta cầu Phật là cầu ra khỏi biển khổ — chỗ nầy xin các ngài chú ý — chớ không phải cầu những đều phú quí vinh hoa đâu, ở đời giàu hay nghèo, quí hay tiện, là nhờ nhơn quả tội phước: chứa lành gặp lành, chứa dữ gặp dữ; cứ nghe lời Phật dạy đây thi rõ:«Muốn biết nhơn đời trước, cứ coi sự hưởng thụ đời nầy thi biết. muôn biết quả đời sau cứ coi sự hành động đời nầy thi biết»

Ta qui y Phật, cốt yếu là cầu làm Phật để ra khỏi biển khổ, không phải cầu gi khác. Mà ta qui y Phật là ta đả suy xét kỷ càng ở trong vủ-trụ tuyệt không ai có phương pháp dạy ta thoát ra biển khổ bằng phương pháp Phật. Cho nên ngày nay ta qui y Phật, thi ta thề trọn đời tuân theo không còn theo người nào khác nữa.

QUI Y PHÁP. — Pháp là phương pháp của Phật dạy cho chúng ta tu hành tức như kinh, luật, luận. Kinh là lời giáo huấn của Phật kiết

tập thành pho, có đủ nghĩa ký, giáo pháp cao thấp, rộng hẹp, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà dạy ; ví như đất khô thi trồng mít trồng chè, đất ướt thì trồng rau trồng lúa. Tám muôn bốn ngàn pháp môn, một ngàn bảy trăm công-án, ai tu pháp nào củng đặng, cốt yếu đều đặng khỏi khổ, đều đặng làm Phật là tốt.

Luật là giới luật. Phật chế giới luật củng tùy theo căn tánh của chúng sanh, nên chi có tam tụ tịnh-giới. ngũ giới. thập giới, Tỉ-kheo giới, bồ-tát-giới khác nhau. Người tu hành mà không giử giới luật, thì tâm tánh tán loạn, nên phải có giử giới, mới sanh định, có định, mới phát huệ, phát huệ rồi, mới minh tâm, kiến tánh, thành đạo chứng quả.

Luận là luận bàn. Chánh tà lộn lạo, chơn vọng khó phân, nếu không luận bàn cho rỏ chơn vọng, thiệt hư, thi chúng ta biết làm sao mà rỏ chơn lý, chơn lý không rỏ thì sự tu hành chắc phải sai đường. Cho hay kinh, luật, luận là một phương pháp hết khổ của chúng sanh. Ngày nay ta qui-y-pháp, là ta đả xét nghỉ ở trong đời chỉ có pháp Phật cứu ta khỏi khổ mà thôi. Nên chi ta thề trọn đời tin theo mà không tin pháp gì nửa.

QUI Y TĂNG. — Tăng, là ông thầy học pháp của Phật, pháp Phật để lại mà không người học, thì pháp để làm gì? người học mà không tu và không truyền bá thì học cũng vô ích. Ông thầy học Phật đây là người đả chắc rỏ thấu giáo lý Phật pháp, đem chỗ tri giác và tu hành mà dạy cho chúng ta. Nay chúng ta được biết Phật, biết phương pháp mà tu hành, chính là nhờ ông thầy ấy. Vậy cho biết ông thầy học Phật là người dắc lối đem đường cho chúng ta.

Ngày nay ta qui-y-tăng là đả suy xét ở trong đời chỉ ông thầy học Phật mới có phương pháp dạy ta ra khỏi khổ mà thôi, nên chi ta thề trọn đời tin theo mà không còn tin theo ông thầy nào khác nữa.

B. — LÝ TAM QUI

Lý tam qui là: tự qui y Phật, tự qui y pháp, tự qui y tăng; chữ «tự» nghĩa là mình. Tự qui y Phật là tuân theo Phật mình. Người đời nghỉ rằng: Phật là một vị thần thánh gi ở trong một cảnh giới đâu đâu, chớ kỷ thiệt Phật ở

nơi mình mà không tự biết. Nay đã biết mình có Phật, thì nên qui y Phật mình, chẳng nên qui y Phật nào khác nữa.

Mình làm sao có Phật? tất cả loài động vật trong thế gian đều có tâm (Chơn tâm), tâm ấy là Phật. Chơn tâm là giác-tánh-diệu-minh (tánh sáng suốt mầu nhiệm) của ta, không bao giờ thiên-biến; có khuất lấp đi chăng là tại ta lầm lỗi, say mê theo vọng tưởng giả danh mà khuất lấp đó thôi. Phật Thích-Ca khi mới thành đạo có than cân: «Ôi, tất cả chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng Như-Lai, chỉ vì nghiệp chướng vọng tưởng xôn xao mà không chứng quả được!»

Ta tự nghỉ biết: trong vủ-trụ không luận tinh-thần hay vật chất, hễ cái gì có hình tướng thì có sanh diệt, cái gì không hình tướng mới không sanh diệt. Kìa như hư không với mây mù, mây mù thì có sanh, diệt, còn, mất không chừng, là vì mây mù có hình tướng. Hư không thì khác, hư không, không có hình tướng, hư không, không sanh diệt bao giờ. Mây mù và hư không đã vậy, thì ta cũng vậy mà.....

Thân thể sớm còn tối mất, tư tưởng thoạt có thoạt không, niệm niệm đều là sanh diệt, duy chỉ cái giác tánh của ta dầu cho trời đất tan hoang, giác-tánh vẫn cứ còn nguyên mãi mãi. Trăng ẩn trong mây, không phải là trăng không có; giác-tánh dầu có bị vô minh nghiệp thức kín bịt đến đâu, giác-tánh vẫn cứ thường còn, giác-tánh ấy là Phật, thì ngày nay ta tự qui y ông Phật của ta, thề trọn đời tuân theo, không còn cầu ông Phật nào khác nữa vậy.

Tự qui y pháp, là tuân theo pháp của mình. Pháp của mình là pháp gì? trong mình ta đủ cả các pháp lành, dử; pháp dử là pháp tham lam, hung dử, kieu ngạo, tật đố, ấy là pháp chúng sanh. Pháp lành là như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhơn từ, ấy là pháp Phật. Tự tánh của ta vốn thường chơn chánh, nhơn vì nghiệp chướng của ta, mà sinh bạo tàn tráo chác. Ngày nay ta đã biết ta có tự-tánh chơn chánh, tự tánh ấy đủ đạo lực dạy cho ta tu hành khỏi khổ, thì ta tự qui y pháp chơn chánh của ta, thề trọn đời tuân theo, không còn theo pháp nào khác nữa vậy.

Tự qui y tăng, là tuân theo ông thầy trong mình ta, thầy trong mình ta là tự tánh thanh tịnh của ta, xưa nay không có cảnh giới nào ràng buộc và niêm trệ nhiễm được. Ông thầy ấy thật là một ông thầy đại thanh-tịnh, đủ phương pháp dắc ta ra khỏi khổ. Bấy lâu ta mê muội không biết nhìn, ngày nay ta đặng biết, thì ta tự qui y ông thầy của ta, cũng thề trọn đời tuân theo không còn theo ông thầy nào khác nữa vậy.

Tôi sở dĩ nói sự tam qui và lý tam qui đây, chẳng qua sợ người đời chấp sự mà bỏ lý, hoặc chấp lý mà bỏ sự. Chấp sự mà bỏ lý, khác nào con nít đọc sách, đọc mà không hiểu; sự ấy không chơn chánh; chấp lý mà bỏ sự. thì lại như nói ăn mà không thấy no: lý ấy phải là mơ hồ. Có sự, lý mới rỏ rệt, có lý, sự mới hoàn toàn; sự tức là lý, lý tức là sự, sự lý phải dung thông, mới hợp theo Phật pháp.

Phật tánh ta vẫn có, có mà không nhờ đức Thích-Ca ra đời chỉ bày Phật tánh, thì ta biết làm sao mà ngộ đặng Phật tánh? Pháp chơn chánh ta vẫn có, mà không nhờ kinh, luật, luận,

lưu truyền, thì ta làm sao chứng đặng pháp chơn chánh? Ông thầy thanh tịnh ta vẫn có, có mà không nhờ ông thầy học Phật chỉ dẫn, thì ta làm sao thấy đặng ông thầy tự tánh thanh tịnh.

Nay ta muốn ngộ Phật tánh của ta để giải thoát đường sanh tử khổ thống, trọn đời ta cần phải tin đức Thích-Ca mới đặng; muốn chứng pháp chơn chánh của ta, trọn đời ta cần phải học kinh, luật, luận mới đặng; muốn thấy tự tánh thanh tịnh của ta, trọn đời ta cần phải tuân theo giáo huấn ông thầy học Phật, thì sau kết quả mới được hoàn toàn.

Qui hóa thay qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng.

V

NGŨ GIỚI

Sau khi ta đã qui y làm đệ tử Phật thì ta nên phát tâm thọ trì ngủ giới. Ngủ giới là năm đều răn.

1) Không được sát hại sanh linh

2) Không được trộm cắp

3) Không được tà dâm

4) Không được nói dối

5) Không được uống rượu và dùng các vật loạn tánh tinh.

Phật chế ra năm đều răn nầy, để cho người tại gia thọ-trì tu luyện. Người mà giữ trọn ngủ giới tức là giữ trọn nhơn cách, kiếp sau tái sanh làm người khỏi sa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh.

Giới thứ nhứt là cấm sát hại sanh linh. Sanh linh là loài hửu tình đều có tánh biết : biết khổ, biết vui, biết đau, biết ngứa, biết tham sống sợ chết như ta. Người tham sống, súc vật cũng tham sống ; người sợ chết súc vật cũng sợ chết.

Cá thấy người cá chạy, chim thấy người chim bay, thì khác nào người thấy cọp người sợ hải, ấy là cùng nhau một máu sợ chết tham sống cả. Tham sống phải ăn cho sống, cái đó thường tình ai ai cũng vậy, nhưng ngạn ngữ có câu : « ăn

để mà sống, không phải sống để mà ăn ». Rau, trái, muối, dưa ta ăn đủ sống, nỡ nào nhẫn tâm sát hại sanh linh. Sao không nghỉ thịt cá là giống tanh hôi có chi chi là ngon béo. Phương chi ngon miệng là việc nhỏ, sanh mạng là việc lớn ; sanh mạng người chúng ta biết trọng, sao không biết trọng sanh mạng các loài ? mạnh được yếu thua, nhẫn lòng sát hại mà gây ra vô lượng kiếp luân hồi nghiệp báo. Nghỉ mà coi ; nếu trong bà con mình có người chết hoặc bị hại thì mình thương khóc chừng nào ? nay mình giết bà con súc vật mà ăn, súc vật là một thể với mình, há lại không biết thương xót hay sao ? Đời nầy ta giết súc vật mà ăn, đời sau ta làm súc vật, súc vật trở làm người giết ta mà ăn lại, xoay vần vay trả không thuở nào ngừng, cho nên Phật cấm không được sát sanh là vì lẽ ấy.

Giới thứ hai là không được trộm cắp. Người đời coi tiền của to như tánh mạng. Trèo non lặn suối, đi ngược về xuôi lo cho có tiền để nuôi thân ngày tháng.

Nói rộng ra những vật cần thiết cho sự sống của người, thì chẳng có vật chi là vật bỏ, tiền lưng gạo túi cho đến ngọn cỏ, cây kim, cũng đều là vật hữu dụng. Vì hữu dụng mà mình quí báu g ữ gìn, còn là mình an tâm, mất là mình tiếc nuối. Mình mất của biết tiếc nuối, thì ai mất mà lại không tiếc nuối như mình. Vậy nở nào sanh lòng trộm cắp của chúng cho đành. Tôi thường nghe ở đời có người bị trộm cắp thất vọng mà phải quyên sinh, lại có người vì bị trộm cắp mà tàn mạt suốt đời; trộm cắp độc ác lá dường nào! Sở dĩ trộm cắp chẳng những luật Phật nghiêm cấm mà thôi đâu, pháp luật thế gian xứ nào cũng trừng trị riết. Mà không những trộm cắp là trộm cắp, cho đến dối trá mà lấy của, ỷ thế mà lấy của, mưu mẹo mà lấy của, Phật đều cho là trộm cắp cả, nên cấm tuyệt không đặng làm.

Nay ta thọ trì giới bất thâu đạo, (không trộm cắp) ta nên tu hành bố-thí. Bố thì có hai cách: một là tài thí, hai là pháp thí. Tài thí là đem của tiền mà bố thí. Đã một loài người, thì người cũng như ta, người đói như ta đói, người lạnh như ta lạnh, cho nên thấy người đói lạnh ta nên

cứu giúp, có của giúp của có công giúp công, giúp cho người sống như ta sống; ấy là nghĩa tài thí.

Pháp thí là đem Phật pháp mà bố thí:

Thấy người ngu si mê muội, tin theo ngoại đạo tà ma, thì mình đem Phật pháp mà giảng giải, may ra người ta tỉnh ngộ, bỏ tà theo chánh, tu hành khỏi khổ luân hồi, ấy là nghĩa pháp thí. Ta tu hành bố thí, ai ai đều tu hành bố-thí, thì còn ai mà trộm cắp của ai.

Ta không trộm cắp, người không trộm cắp, tất cả thế giới không trộm cắp, nhà không đóng cửa đi đường chẳng lượm của rơi, thì huỳnh kim thế giới đó rồi, còn tìm đâu xa nữa.

Giới thứ ba là không được tà dâm. Dâm dục là một cái nhơn nghiệp khiến chúng ta luân hồi trong biển sanh tử. Phật cũng muốn cấm tuyệt sự dâm dục để cho ai nấy đều khỏi khổ đặng vui; nhưng ngặc vì trên cõi hoàn dinh, từ loài người cho đến tất cả các loài động vật, không một loài nào là không dâm dục, sở dĩ kinh Phật gọi cõi nầy là cõi Dục giới.

Bởi nghiệp dâm dục đả nặng nề mà Phật phương tiện chế giới cấm "không đặng tà dâm" nảy, khuyên người phải giữ chánh lễ và tiết dục. Mốt ngày một bớt ít, rồi sau mới có thể đoạn tuyệt mà tu hành ra khỏi chốn trầm luân.

Nay ta thọ tri giới bất tà dâm, thì ta nên giữ gin. Chồng phải giữ trọn bổn phận làm chồng, vợ phải giữ trọn bổn phậu làm vợ, không nên nên sanh lòng tà ngoại. Kinh phật có câu : " thân mạnh của chúng sanh do sự dâm dục mà có". Ta tự nghỉ thi biết, tự trên đầu đến dưới chân những là da thịt, máu, mủ, ghèn, mũi, đờm ,đẹn ít bửa không tắm đã thấy hôi, ăn vô trong minh thành trung, đại, tiểu. tiện không một vật chi là sạch sẽ.

Vậy ta nên coi thân nầy là một vật bất tịnh không nên quá trọng.

Trái lại. ta cứ thường tu nhơn tịnh hạnh, cầu cho đặng cái thân thanh tịnh quí báu khác kia, không do sự dâm dục mà thành, mới có lẻ thoát vòng trần trục. Ta tu tịnh hạnh dạy cho người tu tịnh hạnh, cả thế giới đều tu tịnh

hạnh, thì những sự thương-luân bại-lý phải tiêu trừ, mà thế giới trở thành ra thế giới thanh tịnh,

Giới thứ tư là không đặng nói dối. Nói dối là một sự rất hiểm độc. Nói dối chẳng qua mưu một chút lợi mà nói dối; hoặc đồ thừa nói hô, khiến cho người ta tàn mạt trọn đời, không cất đầu lên nổi. Thường ở đời có người bị đồ hô nói thừa, hoặc bị dối trá lừa gạt mà phải trầm mình thắt cổ. Nói dối lại có khi độc ác đến nổi làm cho cha xa con, vợ rẽ chồng bầu bạn chia lìa, cửa nhà tan nát. Ngoài ra hảy còn những lời nói thêu dệt, lời nói châm chích, lời nói hung dử, mắng chửi, (đều là nói dối cả). Nói dối mà người đời ăn ở với nhau chi chi cũng dã-dối, mất cả bãn thể tự nhiên. Vì vậy nên Phật cấm không được nói dối.

Nay ta thọ trì giới bất vọng ngữ, ta cần phải tu hành chơn thiệt.

Trong kinh có câu: « lòng chơn thiệt tức là tịnh-độ » Quả vậy, lòng chơn thiệt, lời nói chơn thiệt, đức hạnh chơn thiệt, thì quí hóa chẳng có chi quí

hóa bằng. Phải biết "nhơn" quanh co thì "quả" phải vày vò, mà "nhơn" chơn thiệt thì "quả" ắt chơn chánh. Vậy ta thường tu hạnh chơn thiệt, tất nhiên sự giả-dối phải tiêu trừ, mà chơn tướng của vủ-trụ hẳn có ngày hiển-lộ.

Giới thứ năm là không được uống rượu. Rượu là một thứ thuốc độc để làm say người. Hễ rượu vào thì người bất tỉnh, tán loạn tâm thần, còn biết chi là phải chẳng, chánh tà, chi là hay dở, tốt xấu, người thông minh trở nên ngu muội. Kẻ quần tử vong cả cái bản tính sanh bình, nói bậy làm càn, hết đường xấu hổ, những đều sát hại trộm cắp, hung-dử, sân-si tính lại phần nhiều ngầm ngầm sử sanh vì rượu. Vì vậy nên chi Phật cấm uống rượu.

Nay ta thọ trì giới bất ẩm tửu, ta cần phải tu trí huệ. Trí huệ là chiếc thuyền bác nhả đưa ta qua khỏi biển khổ; có trí-huệ mới phân biệt tà chánh, rỏ biết thị phi. Một nhà có trí huệ thì một nhà an lạc; một nước có trí huệ thì một nước hòa bình.

Vậy ta tu trí-huệ, dạy người tu trí-huệ, thì thảy đều chứng đặng chơn lý thành đạo bồ đề, sự

sống chết, già đau. còn dính dấp vào ai, mà ai còn phải khổ nữa ?

Ngủ giới thiệt là năm đều răn cấm rất chính đáng, tưởng người đả gọi là qui y Phật, nhận mình là tín đồ Phật giáo, thì nên giữ trọn càng quí ; nếu mình còn ở trong hoàn cảnh khó khăn, thì xin tùy sức giữ một vài giới, đặng trồng nhơn lành, đời sau khỏi mất đạo làm người. Kinh có câu : «thân người khó đặng, Phật pháp khó nghe», ta nên lấy câu ấy mà thường tu tỉnh mình, chớ để trễ nải buông lung khiến phải khổ não đời đời kiếp kiếp ! !

VI

ÍT ĐIỀU CỦA TÍN ĐỒ NHÀ PHẬT NÊN GIỮ

Xét trong kinh thường nói : « thân người khó được, pháp Phật khó nghe », đủ biết chúng sanh nếu không gây nhơn lành, quyết phải đọa lạc ba đường dử, mà thân người khó mong trở lại, nếu không đủ duyên tốt quyết phải sanh về tám-nạn, pháp Phật khó nỗi được nghe. Hiện nay những người tín-ngưỡng Phật, qui-y Phật không

phải là ít, tựu trung danh tuy gọi là người tin Phật, mà thật ra thì ngoại đạo tà thuyết cũng tin cản ; danh tuy qui y Phật mà thật ra thì quỉ quái thiên ma cũng sùng bái, tin như vậy, qui y như vậy, đành rằng tự mình thân-tâm tánh-mạng đã không ích lợi gì, mà lại có phần hại cho lòng tín-ngưỡng của quần chúng, đối với công đức Phật pháp không sao phát bồ-đề tâm được. Ôi ! đã được thân người mà đành bỏ, đã nghe pháp Phật mà không tin, đáng tiếc thay ! ! ! đáng thương thay ! ! !

Nay muốn cho tâm mê muội của tín-đồ được bỏ vạy về ngay, muốn cho bóng hảo-quang của Phật đều nêu cao chiếu khắp, chúng tôi xin lược trích ít điều kiện nhu yếu ở trong các kinh điển của Phật, mà tín đồ ta nhất định hằng ngày phải tin thọ, kể ra sau đây, mong rằng các thiện-nam tín-nữ nhứt tâm thọ trì quyết được công đức vô lượng...

1·) Đối với tự thân

A. — PHẢI GIỮ CHÁNH-TÍN

1·) Nên tin thân ngũ-uẩn của người đời là vô thường, là khổ, là giả, là không tự chủ, (Vô-ngã).

2·) Tin chỉ có Phật pháp mới đưa ta ra khỏi bể khổ sanh-tử, bước lên cõi niết-bàn thanh-tịnh mà thôi; ngoài ra không còn có giáo lý nào làm lợi ích cho ta được rốt ráo nữa.

3·) Tin chỉ có Phật mới nên thờ, chỉ có Pháp Phật giạy mới nên tu-tri, chỉ có Tăng-già chơn-chánh mới nên thân-cận. Và nghe theo lời giáo-hóa, nghĩa lá phải giữ lời phát thệ (trong khi chúng ta thọ pháp Tam-qui).

4·) Nên tin chúng sanh đều cũng có tánh-Phật, đều làm Phật được. Nếu chí tâm tu hành đúng Phật-Pháp.

5·) Nên tin lý nhơn-quã luân-hồi: Hễ là làm lành chắc được phước, làm dữ chắc mang họa, nếu ba nghiệp mà được thanh-tịnh quyết thành Phật, thành Bồ-Tát; nếu làm ba nghiệp dữ quyết đọa trong ba đường dữ, nhơn nào quã nấy không sao tránh khỏi.

6·) Nên tin Chư Phật đủ công-đức vô-lượng, Giác-hạnh, Viên-mãn; Bồ-tát là linh cãm hay ứng hiện cứu khổ cho chúng sanh, nếu những kẻ thành tâm tưởng niệm đến các Vị ấy.

7·) Nên tin nhứt định có cảnh Tịnh-độ, có Phật A-Di-Đà hiện tại thuyết pháp, khi lâm chung chắc được Phật tiếp dẫn, nếu khi ấy mà ta nhứt tâm niệm danh hiệu Phật

B.— PHẢI NÊN TINH TẤN TU HÀNH

1·) Phải hộ trì cấm giới của Phật mà mình đã nguyện thọ trì trước Tam-Bảo, không được trái phạm, nếu có vô tâm phạm đến, phải đứng trước Tam-Bảo phát lộ sám hối ngay.

2·) Phải trì-trai theo trai-kỳ của mình đã phát-nguyện.

3·) Phải cúng dường lễ bái và tán-thán công-đức Tam-Bảo.

4·) Phải trì tụng kinh chú của Phật, Bồ-Tát.

5·) Phải trì niệm danh hiệu Phật, ít nhứt là trước khi đi ngũ và sau khi thức dậy.

6·) Phải học tập kinh, luật, luận, hoặc sách vở tạp chí của Phật-giáo.

7·) Phát lộ sám hối nghiệp chướng, mình đã tạo. Ở trước Tam-Bảo.

8·) Khi vảo điện Phật phải tín thảnh cung kính, lạy Phật phải tịnh tâm tưởng tượng hảo của chư Phật Bồ-Tát, hiện tiền, và phải tưởng rằng nếu ta không duyên lành, thời đâu được gặp gở.

9·) Đối với kinh-điển của Phật, và những pháp khi phải thảnh tâm cung kính như đối trước Phật, tay sạch mới cầm, tay cầm kinh không nên vái chảo người.

10·) Phải yêu kính Tam-Bảo, như là đối với cha mẹ mình.

11·) Phải tu ba nghiệp đều được rốt ráo thanh tịnh.

12·) Phải an vui theo quả báo của mình hưởng thọ trong hiện thời. Không được vì giảu sang mà phóng túng tiêu xa, vì nghèo đói mà tham lam bợ hót; chỉ lo cải tạo lấy nhơn tốt.

13·) Khi đau ốm hoạn-nạn, ngoải sự thuốc thang điều hộ chỉ nên niệm cầu chư Phật Bồ-tát gia bị, không nên tin bóng-chảng khoa-bói, và không vái lạy cầu khẩn ai nửa.

14·) Khi gặp nghịch cảnh càng nên chí tâm tinh tấn không nên thối-đọa.

15·) Khi lâm-chung chỉ một niệm cầu đức phật A-di-đà tiếp dẫn, nguyện sanh về tịnh-độ, không nên quyến luyến gia-đình của cải.

C. — PHẢI PHÁT NGUYỆN HỒI-HƯỚNG

1·) Nguyện sanh về cỏi Tịnh-độ,

2·) Nguyện thành Phật, độ chúng sanh.

3·) Nguyện đem tất cả công đức của mình tu hành, đều hồi-hướng cho tất cả chúng sanh được cùng sanh về cõi Cực-lạc thành quả vô-thượng Bồ-đề.

II. — Đối với gia-đình

1·) Gia-đình lấy tình nhân-nghĩa vợ chồng làm gốc, phải kính nể nhau, lấy tình-nghĩa cao-thượng mà phối-hiệp, không nên chỉ yêu quí nhau bằng sắc dục, hoặc vì danh-lợi.

2·) Với cha mẹ phải hiếu-dưỡng thừa-thuận luôn luôn, và khuyến-hóa cha mẹ theo đường thiện, chánh.

3·) Với con cái phải răng he dạy dỗ, thương yêu con mặc dầu ruột, ghẽ, đều phải bình đẳng không được tập rèn con những tánh chất xa-hoa kiêu-mạn, bỉ-lẫn, dan-tham, và gần gủi những kẻ hung-hoang, đảng-tử; không được ép uổng con về việc gã cưới, không nên tập tánh keo-lẫn cho con; mà nên tập cho nó biết cách dùng tiền về các việc nhơn nghĩa.

4·) Với anh em phải thương yêu kính thuận, và ủng hộ nhau, như là tay chơn, không nên thiên thính lời vợ con mà bỏ tình cốt nhục.

5·) Với hầu hạ tôi tớ phải thương phận nghèo hèn của nó phải biết công việc làm lụng cực khổ của nó, phải đem lượng bao-dung trong khi nó bị lầm lỗi, dầu nó có tội lỗi nặng nề, chỉ nên lấy lời dạy dỗ, không được đánh chưởi mắng giết một cách tàn tệ quá đáng.

6·) Muốn báo-đáp ơn-đức của cha mẹ thì phải lúc sanh-tiền đem phật-pháp mà khuyên hiểu để cha mẹ phát Bồ-đề tâm, qui đầu Tam-Bảo, trì trai thọ giới, văn pháp niệm phật, lúc thọ chung phải trượng bằng Phật-lực, để tiếp dẫn

thần-thức cha mẹ được siêu-thoát, không nên sát sanh hại vật cúng cấp thết đải theo lối thế gian.

7· Phải đem Phật-pháp khuyến-hóa mọi người trong gia-đình, đều cảm hóa đạo Phật cùng mình làm tất cả sự cả lý Phật-Pháp.

8·) Nếu mình hết bổn phận đối với gia-đình, mà cách đối đải của gia-đình với mình không tốt, ấy là do nghiệp trước của mình phải chịu cái khổ oan-gia tụ đầu ấy, nên mình vẫn một niệm vui hòa, không nên chán nản ghét bỏ, thì mới mong giải thoát.

III. — Đối với xã-hội

1·) Phải đem tâm từ bi hỷ-xã đối với mọi người

2·) Phải làm những việc cứu-tế bố-thí cho những người bị tai nạn đau ốm, tùy theo hoàn cảnh và năng lực của mình.

3·) Phải khuyên người tin Phật, niệm Phật và quy y theo Tam-Bảo.

4·) Phải tùy-hỷ những công-đức của người khác làm.

5·) Không được ngăn cãn những việc làm của quần chúng nào có tính chất từ thiện.

6·) Không được phá-hoại những cuộc tổ chức kết tập mà có tính chất chơn thật lợi ích cho quần chúng.

7·) Phải làm hết bổn-phận đối với đời, không cần danh dự lợi dưỡng.

8·) Đối với người ở về đoàn-thể khác với mình, mà cùng mình vẫn đồng một giáo-lý, đồng một mục-đích, nên đem một niệm đồng-thể bình đẳng mà đề-huề với nhau, không được dỗ dành người ta bỏ đoàn thể của họ, để theo với mình, hoặc bỏ Bổn-sư của họ mà theo với Bổn-sư của mình.

9·) Không được làm những điều kiện trái với pháp luật ở bản-xứ.

10·) Không được ủng-hộ và làm công-đức cho các ngoại đạo, tà giáo ; cũng không cần công kích họ, chỉ đem một niệm đồng-thể đại-bi, tìm cách cãm-hóa cho họ được giác ngộ thì càng tốt.

VII

LỜI DẶN

Sau khi đã hiểu Phật-pháp là thế nào rồi, đã qui y Tam-bảo, đã thọ-trì ngũ-giới, đã tuân theo những điều tin tưởng chơn chánh của Phật; còn cần phải giữ công phu tu niệm nữa, mới được lợi ích cho hiện-tiền và tương lai, mới chơn chánh hoàn toàn một người tín đồ Phật giáo vậy. Muốn giữ công phu tu niệm cho dãn-dị mà mau có kết quả, không chi bằng tu pháp niệm Phật cầu sanh tịnh-độ. Trước khi tu niệm Phật cần phải điều hòa thân-thể, nếu không thì hay sanh ra bệnh nhọc mệt trễ-nãi.

Cách điều hòa: Người niệm Phật trong khi phát tâm cầu Phật-pháp đặng thoát ra khỏi vòng sanh tử, và cứu độ chúng sanh, cần phải giữ lòng quyết định mạnh mẻ, không kể sống chết, chuyên giữ một niệm là niệm Phật mà thôi. Giữ niệm Phật thì trước hết phải hiểu mình sẵn có một thể chơn như Phật tánh; thể ấy trùm khắp ba đời mười phương, bản lai vốn không

có thế giới chúng-sanh, thời cũng không còn có những món phiền não...

Những người muốn niệm Phật trước hết cần phải điều hòa thân tâm cho thư thái thời trong sự tu hành mới mau có hiệu quả. Những lối đều hòa thân tâm kể ra như sau nầy:

1·) Điều hòa sự ăn uống. — ăn uống cốt nuôi thân cho sống để mà tu tập, nếu ăn quá no thi sanh ách, thân thể nặng nề, hơi thở mạnh gấp, ngồi niệm không yên, nếu ăn có ít thi minh gầy bụng đó, ngồi niệm cũng không bền được, lại vi những vật hôi nhớp thường làm cho tinh thần mê mẫn, những vật khó tiêu thường hay sanh bịnh, nên các người tu hành cần phải ăn uống cẩn thận chừng đổi, thời mới an thân tri niệm.

2·) Điều hòa giấc ngủ. — vẫn biết khi con người ngã chấp chưa hết, còn nhận thân nầy là thân của mình, thi đến khi mỏi mệt tất phải buồn ngủ; những người tu niệm cần phải tập ít ngủ, để cho tâm thần thường được sáng suốt; khi tập, nếu có buồn ngủ thì phải nghỉ:

thân người là vô thường, có sống đặng bao lăm, nếu không lo tu tập, chỉ lo ngủ cả đời, thời biết bao giờ thành đạo chứng quả.

3·) Đều hòa thân thể. — người tu niệm muốn ngồi niệm Phật được lâu, cần phải liệu thế nào mà ngồi cho thân thể được thư thái. Chỗ ngồi phải mềm mại êm đềm, dầu ngồi bao lâu cũng không tê k.ông nhứt, như ngồi bán-giả thì xấp chân, để bắp chân mặt lên bắp chân trái, (hoặc chân trái lên trên chân mặt) kéo lại cho sát bên mình, ngón chân ngang bắp vế, rồi mở rộng cổ áo, thắt lưng, để bàn tay mặt lên bàn tay trái, rồi xếp hai cánh tay sát bên mình, tay chân để y như vậy, uốn mình năm bảy lần cho giản xương cốt, rồi ngồi thẳng lưng, không cong đàng trước, không ngữa đàng sau.

Sau rồi sửa đầu cho ngay thẳng, sống mũi ngay hàng với rún, không xiên bên nầy bên kia, mắt ngó thẳng ra trước, không cúi đầu không ngữa lên, con mắt nhắm lại vừa trông thấy ánh sáng bề ngoài thời thôi.

Phải ngồi yên như vậy, vững vàng như hòn núi, mình, đầu, tay, chân không lay động.

4·) Điều hòa hơi thở ; trước khi vừa ngồi thẳng chưa nhắm mắt, nên hít không khí vào nơi lỗ mũi, rồi hả miệng thở ra chậm chậm, thở hai ba lần như vậy rồi mới nhắm mắt. Đến khi ngồi im phải soi xét hơi thở, đừng cho mạnh gấp có tiếng, đừng cho bức tức không thông, đừng cho thô phù không êm, phải thở một cách thông suốt nhẹ nhàng, êm đềm kín đáo, như hơi thở con rùa. Hơi thở điều hoà rồi mới khởi sự niệm Phật.

5) Điều hòa tâm trí: Điều hòa tâm trí tức là niệm Phật, khi niệm Phật nên niệm khoan thai, mỗi hơi thở chừng một vài chử, ta phải chăm chỉ nghe tiếng niệm Phật, đương khi chuyên chú niệm Phật, như thấy tinh thần mê mê nghe không rỏ ràng, đầu muốn gục xuống thi phải để tâm vào nơi lỗ mủi mà niệm. Còn khi nghe tâm muốn loạn động, thân không yên ổn, nghỉ nhớ việc ngoài, thời phải để tâm vào nơi rún mà niệm đặng trừ các loạn tưởng, khi nghe trong ngực hơi tức thi phải bớt bớt chuyên chú để cho tâm được khoan thai, khi tâm trí hơi nhác, mình muốn ngữa nghiêng, hoặc miệng chảy nước miếng, thời phải chuyên chú nhiều hơn để đối phó. Hễ có bịnh gì thi trừ bịnh ấy, đến khi hơi thở nhẹ nhàng, thân

thể đều hòa, tâm chuyên chú về nơi niệm Phật không tán loạn, thời lần lần vào được thuyền định.

Ngồi niệm như vậy càng lâu càng tốt, khi muốn thôi niệm thì phóng tâm không chuyên chú nửa, mở miệng thở vài ba hơi dài, lắc mình nhẹ nhẹ vài ba lần cho huyết lưu thông, rồi uốn vai, uốn lưng, lần đến tay đến đầu, cổ và đến hai chân; lấy hai tay xoa cùng cả mình, xoa tay cho nóng mà háp cả hai con mắt, rồi từ từ mở mắt ra, đợi một chặp cho trong mình bớt nóng, rồi mới đứng dậy. Nếu đứng dậy gấp thì hay sinh chứng nhứt đầu chân tay hay tê nhứt, về sau khó ngồi lâu được.

Người tu niệm Phật cần phải giử các pháp như vậy để mà tu tri đến như cảnh giới trong định, thì gặp cảnh giới gì cũng phải lấy tâm bình thường mà đối phó, chẳng nên tự nghỉ là chứng là ngộ mà mang tội tăng-thượng mạng, Lại thường thường cần phải coi mục «Ngủ-ấm-Ma» trong kinh Lăng-Nghiêm hoặc hỏi han những bậc thiện tri thức, mới chắc khỏi những đều lầm lạc.

Nam mô A-Di-đà-Phật, những đều dặn trên đây đều theo phương pháp trong Tiểu-chỉ-quán của ngài Thiên-Thai, chớ không phải lời hung ức của chúng tôi, nguyện đồng nhơn gắn noi theo mà tu niệm, đặng cùng nhau đồng sanh về tây Phương cực lạc thế giới.

VIII

NGHI THỨC TỤNG NIỆM
RẤT ĐƠN DẢN (1)

Sau khi đã rữa tay súc miệng, chỉnh tề áo xống, tới trước Phật hoặc chỗ nào vắng lặng ngồi xắp tay xây mặt về phương tây nhắm Phật tưởng Phật rồi niệm 21 lần câu chú : « tịnh pháp giới » như sau nầy :

Án Lam Tóa Ha

(Để cho thanh tịnh thân tâm và cảnh giới bề ngoài cũng đều thanh tịnh).

Kế niệm : Nam mô thập phương thường trụ tam bảo (ba lần) Nam mô Bổn-sư Thích-ca mâu ni Phật (3 lần) Nam mô biến pháp giới chư tôn bồ tát ma ha tát (ba lần).

Rồi tụng lời phát nguyện :

Đệ tử kính lạy đức Phật Thích-ca, Phật A-Di-Đà, thập phương chư Phật, vô thượng Phật pháp, cùng thánh hiền tăng. Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, tham, giận, kiêu, cán, si, mê lầm lạc, ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, thành tâm sám hối, thề tránh điều dử, nguyện làm việc lành, ngữa trông ơn Phật, từ

bi gia hộ, thân không tật bịnh, tâm không phiền não, hằng ngày an vui, tu tập, phép Phật nhiệm mầu, để mau ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh, trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại, đặng cứu độ các bậc tôn trưởng, cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật đạo.

(kế tụng bài kệ)

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải,
Quan trung hóa Phật vô số ức,
Hóa bồ tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bác nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn,
Nam mô tây phương cực lạc thế giới,
Đại từ đại bi, A-Di-Đà Phật.

(rồi niệm lớn, hoặc mật niệm)

Nam mô A-Di-Đà Phật (300 lần sắp lên)
Nam mô Quan-Thế-Âm-Bồ-tát (10 lần)
Nam mô Đại-Thế-Chí-Bồ-tát (10 lần)
Nam mô Thanh-tịnh-đại-Hải chúng bồ tát (10 lần)

Kế tụng bài vãng sanh nầy :

Nẳn mồ a di đa bà dạ, đá tha dà đá dạ, đá địa dạ tha, a di lỵ đô bà tỳ, a di lỵ đá tất đam bà tỳ, a di

lỵ đá tỳ ca lang đế, a di lỵ đá tỳ ca lang đá, dà di nị dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha (3 lần)

Rồi tụng bài hồi hương

Chúng tôi một lòng qui ỵ theo đức Phật A-Di-Đà, thế-giới cực lạc; Phật đã phát nguyện: hễ có chúng sanh, một lòng tin ngưỡng, trì niệm tên ngài, thì ngài tiếp dẫn về cỏi tịnh độ; vậy nên chúng tôi chuyên lòng niệm Phật, nhờ thần lực Phật, từ bi gia hộ, chúng tôi, khỏi phạm đều dử, thường làm việc lành: đến khi lâm chung, thì được thấy đức Phật A-Di-Đà, cùng ngài Quan-Âm, ngài Thế-Chí, và các vị bồ tát, đồng đến tiếp dẫn, về cỏi tịnh độ; ở trong giây lát, đã được vãng sanh, trong hoa sen báu; hoa nở, sanh ra, liền được thấy Phật, cùng các bồ tát, nghe rõ phép mầu, minh tâm, kiến tánh, rồi thì mặc sức; hóa ra trăm ngàn vạn thân, cứu độ chúng sanh, đồng về tây phương cực lạc thế giới.

Chúng tôi phát nguyện rộng lớn như vậy, xin Phật từ bi, thương xót chúng tôi, bảo hộ chúng tôi, đặng cho chúng tôi, cùng tất cả chúng sanh khỏi sự lầm lỗi, mau thành đạo quả.

(Kế niệm)

Chúng tôi xin qui ỵ theo thập phương chư Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp, khỏi theo thánh thần ngoại đạo. (vái)

Chúng tôi xin qui ɣ theo hết thảy Phật pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp khỏi theo những đạo sai lầm không hợp chánh lý. (vái)

Chúng tôi xin qui ɣ theo các bậc thầy, tu hành chơn chính, nguyện đời đời kiếp kiếp, khỏi gặp các người tổn ác quyến dũ. (vái)

(Kế tụng)

Tự qui ɣ Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giãi đại đạo, phát vô thượng tâm.

Tự qui ɣ pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng trí huệ như hải.

Tự qui ɣ tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thế vô ngại.

Hòa nam thánh chúng.

XI

LỐI TỤNG NIỆM THEO CHỮ TÀU

Nếu ai chưa quen tụng bằng Quốc-Văn xin học mấy bài thường tụng bằng chữ Tàu như sau nầy:

Trước khi nhắm Phật tưởng Phật và niệm hai mươi mốt lần câu chú Tịnh pháp — Giới rồi; thì kế tụng bài chú « Đại-bi », bài "Bác-nhã tâm-kinh" và bài chú « Vảng-sanh » rồi tụng bài kệ A-di-đà Phật thân kim sắc v.v. niệm Phật xong rồi tụng bài "Hồi hương khể thu tây Phương" v.v. Tam tự-qui v.v.

Hòa nam thánh chúng

CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại bi hội thượng Phật Bồ-tát (Ba lần) Thiên-thủ thiên nhản vô ngại đại bi tâm đà-la-ni :

Nam-mô hắc ra đát na đá ra dạ gia. nam mô a lị gia bà lô kiết đế thước bát ra gia. bồ đề tát đõa bà gia, ma ha tát đõa bà gia. ma ha ca lô ni ca gia. Án tát bàn ra phạt duệ, sồ đát na đát tả, nam mô tất kiết lật đõa. ɣ mông a lị gia bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì hê lị, ma ha bàn đá sa mế, tát bà a tha đậu du bằng. a thệ dựng, tát bà tát đá. na ma bà già ma phạt đặt đậu, đát điệt tha, Án a bà lô hê, lô ca đế, ca la đế, di hê lị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, lị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ lô phạt xà gia đế, ma ha phạt xà gia đế, đà la đà la địa lị ni, thất Phật ra gia, giá ra giá ra, mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, ɣ hê ɣ hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá gia. hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê lị, ta ra ta ra, tất lị tất lị, tô rô tô rô, bồ đề giạ, bô đề giạ, bô đà giạ, bô đà giạ, di đế lị giạ, na ra cẩn trì, địa lị sắt ni na, Ba giạ ma na, ta bà ha, tất đà giạ, ta bà

ha, ma ha tất đà giạ. ta bà ha, tất đà du nghệ, thất bàn ra gia, ta bà ha, na ra cẩn trì. ta bà ha, ma ra na ra, ta bà ha, tất ra tăng a mục khư gia, ta bà ha, ta bà ma ha a tất đà giạ, ta bà ha. giả kiết ra a tất đà giạ, ta bà ha, ba đà ma kiết tất đà giạ ta bà ha, na ra cẩn trì, bàn dà ra giạ, ta bà ha. ma bà lị thắng, kiết ra giạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ gia, nam mô a lị gia bà lô kiết đế thước bàn ra giạ, ta bà ha, Án tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà giạ. ta bà ha.

BÁT NHẢ TÂM KINH

Ma ha bát nhả Ba-la mật-đa tâm kinh: Quán tự tại bồ-tát, hành thâm bát-nhả Ba-la-mật đa thời, chiếu kiến ngủ uẩn giai không độ nhứt thế khổ ách "Xá-Lợi-Tử, sắc bất dị không. không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức diệt, phục như thị, Xá-Lợi-Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng' hành, thức; vô nhản, nhỉ, tỉ, thiệt, thân, ý; vô sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhản giới, nải chí vô ý thức giới, vô vô minh diệc vô vô minh tận; nải chí vô lảo tử diệc vô lảo tử tận; vô khổ tập, Diệt, Đạo, vô trí diệc

vô đắc. dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa, ỵ bát nhả ba la mật đa cố, tâm vô quải ngại, vô quải ngại cố, vô hửu khũng bố, viễn lỵ điên đão mộng tưởng, cứu kỉnh Niết-bàn. Tam thề chư Phật. ỵ Bát-nhả ba la mật đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam miệu tam bồ đề. Cố tri Bát-nhả ba la mật đa. thị đại thần chú. thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thế khổ, chơn thiệt bất hư. Cố thuỵết Bát-nhả-ba-la-mật-đa-chú, tức thuỵết chú viết: Yết đế, ỵết đế, Ba la ỵết đế, Ba la tăng ỵết đế. Bồ đề tát bà ha.

BAI HỒI HƯƠNG KHỂ THỦ

Khể thủ tây phương an-lạc quốc,
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư,
Ngả kim phát nguỵện nguỵện vãng sanh.
Duỵ nguỵện từ bi ai nhiếp thọ.

Đệ tử chúng đẳng, phổ vị tứ ân, tam hữu, pháp-giới, chúng sanh, cầu ư chư Phật nhứt thừa vô thượng, bồ đề đạo cố, chuyên tâm trì niệm, A-Di Đà Phật, vạn đức hồng danh. kỳ sanh tịnh độ.

Hựu dỉ nghiệp trọng phước khinh, chướng thâm huệ thiển, nhiễm tâm dị xí, tịnh đức nan thành; kim ư Phật tiền, kiều cần ngủ

thể, phi lịch nhứt tâm, đầu thành sám hối: ngã cập chúng sanh khoáng kiếp chí kim, mê bổn tịnh tâm, túng tham sân, si, nhiễm uế tam nghiệp; vô lượng vô biên, sở tác tội cấu, vô lượng vô biên, sở kiết oan nghiệp, nguyện tất tiêu diệt.

Tùng ư kim nhựt, lập thâm thệ nguyện: viễn ly ác pháp, thệ bất cánh tạo; cần tu thánh-đạo, thệ bất thối đọa, thệ thành chánh giác, thệ độ chúng sanh.

A-Di-Đà Phật, Dĩ từ bi nguyện lực, đương chứng tri ngã, đương ức niệm ngã, đương gia bị ngã, nguyện thuyền quán chi trung, mộng mị chi tế, đắc kiến A-Di-Đà Phật, kim sắc chi thân, đắc lịch A-Di-Đà Phật, bão nghiêm chi độ, đắc mông A-Di-Đà Phật, cam lồ quán đảnh, quang minh chiếu thân, thủ ma ngã đầu. Ý phú ngã thể, sử ngả túc chướng tự trừ, thiện căng tăng trưởng, tật không phiền nảo, đốn phá vô minh, Viên giác diệu tâm, quách nhiên khai ngộ, tịch quang chơn cảnh, thường đắc hiện tiền.

Chi ư lâm dục mạng chung, dự tri thời chí, thân vô nhứt thế, bịnh khổ ách nạn. tâm vô nhứt thế, tham luyến mê hoặc, chư căn duyệt dự, chánh niệm phân minh, xả báo an tường, như nhập thuyền-định. A-Di-Đà Phật, dử Quan-

Âm Thế-chí, chư thánh hiền chúng, phóng quang tiếp dẫn, thùy thủ đề huề, lâu các, tràng phan, dị hương thiên nhạc, tây phương Thánh cảnh, chiếu thị mục tiền, linh chư chúng sanh, kiến giả văn giả, hoan hỉ cảm thán, phát bồ đề tâm. Ngã ư nhỉ thời, thừa kim cang đài, tùy tùng Phật hậu, như đàng chỉ khoảnh, sanh Cực-lạc quốc, Thất-Bảo trì nội thắng liên hoa trung Hoa khai kiến Phật, kiến chư bồ-tát, văn diệu pháp âm, hoạch vô sanh nhẫn, ư tu du gian, thừa sự chư Phật, thân mông thọ ký, Đắc thọ ký dỉ, tam thân, tứ trí, ngủ nhản, lục thông, vô lượng bách thiên đà-la ni môn, nhứt thế công đức, giai tất thành tựu. Nhiên hậu bất vi An-dưởng, hồi nhập ta bà, phân thân vô số, biến thập phương sát, dỉ bất khả tư nghì, tự tại thần lực, chưỡng chưỡng phương tiện, độ thoát chúng sanh hàm linh lỵ nhiễm, hoàng đắc tịnh tâm, đồng sanh tây phương, nhập bất thối địa.

Như thị đại nguyện, thế giới vô tận, chúng sanh vô tận, nghiệp cập phiền não, nhứt thế vô tận, ngã nguyện vô tận. Nguyện kim lễ Phật, phát nguyện, tu trì công đức, đồng thí hữu tình, tứ ân tổng báo, tam hữu tề tư, pháp giới chúng sanh, đồng viên chưỡng trí.

DỊCH NGHĨA

Cúi đầu kính lạy đức Đại-đạo-sư, tiếp dẫn chúng-sanh về nước An-lạc, Phương tây, tôi nay phát nguyện nguyện vảng-sanh về cỏi ngài; kính trông đức từ-bi thương xót mà nhiếp thọ.

Đệ-tử chúng tôi, khắp vì bốn ơn ba cỏi, chúng sanh cả pháp-giới, mà cầu phép nhứt-thừa-vô-thượng của chư Phật. Vì đạo Bồ-đề vậy, chúng tôi chăm lòng tri niệm Hồng-danh, đủ muôn đức Phật A-Di-Đà đặng vảng sanh về Tịnh-độ.

Lại vì nghiệp nặng phước ít; huệ cạn chướng sâu; tâm ô nhiễm dễ sanh, đức trong sạch khó đặng, nên nay tôi ở trước Phật, năm vóc cúi lạy, phơi trải một lòng tinh thành sám hối. Tôi và chúng-sanh, nhiều kiếp đến nay, mê tâm bản-tịnh, buông lung lòng tham, sân, si, nhuốm nhơ ba nghiệp; tội cấu đã gây vô-lượng vô-biên, oan nghiệp đã kết vô-lượng vô-biên, nguyện tiêu diệt cả.

Kể từ ngày nay, chúng tôi lập thâm-thệ nguyện, lánh xa các pháp dử, thề chẳng gây nữa, siêng

năng tu thánh-đạo, thề chẳng trở lui, thề thành bực chánh-giác, thề cứu độ chúng-sanh.

Xin Phật A-Di-Đà vận nguyện-lực từ bi, mà chứng biết cho chúng tôi, thương xót chúng tôi, giúp đở chúng tôi, nguyện xin trong lúc thuyền quán, trong khi chiêm-bao, được thấy thân sắc vàng của Phật A-Di-Đà, được qua cỏi Bảo-nghiêm của Phật A-Di-Đà, được nhờ nước cam lồ của Phật A-Di-Đà, rưới trên đảnh chúng tôi, hào quang sáng của Phật A-Di-Đà soi khắp thân chúng tôi, tay ngài thoa đầu chúng tôi, áo ngài che thân chúng tôi; khiến chúng tôi nghiệp chướng tự nhiên diệt trừ, căn lành ngày càng thêm lớn, mau hết phiền nảo, liền phá vô minh; rồng vậy khai ngộ viên giác diệu tâm, cảnh thường tịch quang chơn thiệt, thường đặng hiện tiền.

Còn khi chúng tôi thân mạng gần thác, thì được biết trước giờ chết, thân không có các bịnh khổ ách nạn, tâm không có những tham mến mê lầm, các căn vui đẹp, chánh niệm rỏ ràng, bỏ báo thân nầy một cách an lành

như vào thuyền định. Đức Phật A-Di-Đà, cùng ngài Quan-thế-Âm, ngài Thế-Chí và cả chúng thánh hiền, đều phóng hào quang tiếp dẫn, đưa tay dắt diu, lâu các, tràn phan, hương lạ thơm tho, nhạc trời ngân ngợi, cảnh Phật tây phương rỏ bày trước mặt, khiến các chúng sanh, hoặc thấy hoặc nghe, đều vui mừng cảm thán, phát lòng bồ đề. Lúc bây giờ, chúng tôi ngồi trên đài kim cang, đi theo sau Phật, trong khoảng thi giờ gảy móng tay, đã sanh về nước Cực-lạc, giữa hoa sen xinh, trong ao thất bảo. Hoa nở liền thấy Phật, thấy các vị Bồ-tát, nghe tiếng pháp mầu, chúng tôi được vô sanh pháp nhẫn; ở trong giây phút, đã thừa sự khắp các đức Phật, tự minh được Phật thọ ký. Được thọ ký rồi thời tam thân tứ trí, ngủ nhản lục thông, vô số trăm ngàn phép tam muội, tất cả các công đức, thảy đều thành tựu, vậy sau tuy không rời nước An-dưởng, mà trở vào cỏi ta-bà, hóa ra vô số thân, khắp mười phương cỏi, lấy sức thần thông tự tại không thể nghỉ nghi, món món phương tiện, cứu thoát chúng sanh, đều khiến xa thói, ô nhiễm, và đặng bản tâm

thanh-tịnh, đồng vảng sanh về phương tây, vào bậc bất thối chuyển.

Đại nguyện chúng tôi như vậy, thế giới không cùng! chúng sanh không cùng! nghiệp với phiền nảo thảy đều không cùng! thời nguyện của chúng tôi cũng không cùng! vậy xin đem công đức tu tri, lạy Phật phát nguyện đây, đều bố thí cho tất cả các loài hữu tình, đều trả bốn ơn, cứu giúp ba cỏi, cho chúng sanh cả pháp giới đều hoàn toàn đặng nhứt thế chưởng trí.

CÁC NGÀY VÍA PHẬT

THÁNG GIÊNG

Ngày mồng 1. — Vía đức Phật Di-Lạc.

THÁNG HAI

Ngày mồng 8. — Vía đức Phật Thích-Ca xuất gia.
15. — — id — nhập diệt.
19. — Vía đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.
21. — Vía đức Phổ-Hiền Bồ-Tát.

THÁNG BA

Ngày 16. — Vía đức Chuẩn-Đề Bồ-Tát.

THÁNG TƯ

Ngày mồng 4. — Vía đức Văn-Thù Bồ-Tát.
8. — Vía đức Thích-Ca giáng sanh.

THÁNG SÁU

Ngày 19. — Vía đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

THÁNG BẢY

Ngày 13. — Vía đức Thế-Chí Bồ-Tát.
30. — Vía đức Địa-Tạng Bồ-Tát.

THÁNG CHÍN

Ngày 19.— Vía đức Quan-Thế-Âm.

30.— Vía đức Phật Dược-Sư.

THÁNG MƯỜI

Ngày mồng 8.— Vía Phóng-sanh.

THÁNG MƯỜI MỘT

Ngày 17.— Vía đức Phật Di-Đà.

THÁNG MƯỜI HAI

Ngày mồng 8.— Vía đức Thích-Ca thành đạo.

NHỮNG NGÀY TRAI

Thập trai : mỗi tháng mười ngày :
Mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30. (*Nếu tháng thiếu kể cả ngày 27*).

Lục trai : mỗi tháng sáu ngày :
Mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30.

Tứ trai : mỗi tháng bốn ngày :
14, 15, 30, mồng 1.

Nhị trai : mỗi tháng hai ngày :
Mồng 1, 15.

« Những ngày trai không nên dùng các món gia vị như : hành, hẹ, ném, tỏi, tỏi-tây. v. v.

Người tu hành ăn các món nầy thì tụng kinh trì chú không linh nghiệm và khêu gợi dục tình, sanh thêm cái tánh hung dữ ».

IMPRIMERIE DU MIRADOR
H. E. - ANNAM